

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THẾ GIỚI SỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
---o0o---**

Số: 06/04-2016/BĐH/DGW

TP.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2016

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh  
Quý I/2016

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Đầu tiên, Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") xin gửi tới Quý Ủy ban lời chào trân trọng và hợp tác.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2016 của Báo cáo tài chính riêng do Công ty lập ngày 26 tháng 04 năm 2016. Công ty giải thích nguyên nhân một số chỉ tiêu năm 2016 và năm 2015 giảm cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015	Tăng/ giảm (%)	Nguyên nhân
Doanh thu thuần	811.100.211.275	932.873.513.617	(13%)	Do sự sụt giảm doanh số bán hàng của nhãn Nokia
Lợi nhuận trước thuế	24.941.448.817	39.939.439.959	(38%)	

Trân trọng.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu BĐH.

**CTCP THẾ GIỚI SỐ  
TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
**THẾ GIỚI SỐ**  
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH  
Đoàn Hồng Việt

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 27

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

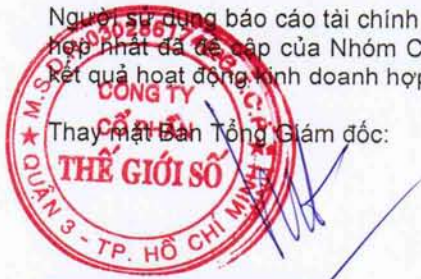
### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ của công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay Mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 4 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,231,669,199,824</b>	<b>1,170,507,052,965</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>19,717,133,322</b>	<b>30,935,444,507</b>
1. Tiền	111		19,717,133,322	30,935,444,507
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4,900,000,000</b>	<b>4,900,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4,900,000,000	4,900,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>417,407,708,283</b>	<b>348,987,791,367</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		334,506,256,476	317,246,505,287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		71,210,639,773	18,087,773,476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		20,377,354,926	22,340,055,496
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(8,690,849,291)	(8,690,849,291)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,306,399	4,306,399
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>664,206,278,860</b>	<b>669,576,016,876</b>
1. Hàng tồn kho	141		664,206,278,860	669,576,016,876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>125,438,079,359</b>	<b>116,107,800,215</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21,386,759,734	16,334,943,484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104,051,319,625	99,772,856,731
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>88,671,106,205</b>	<b>85,220,502,475</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,201,670,000</b>	<b>2,201,670,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2,201,670,000	2,201,670,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>84,744,663,512</b>	<b>81,294,875,482</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		27,756,885,696	24,258,940,592
<i>Nguyên giá</i>	222		46,498,911,495	42,176,019,795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18,742,025,799)	(17,917,079,203)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		56,987,777,816	57,035,934,890
<i>Nguyên giá</i>	228		58,509,622,898	58,509,622,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,521,845,082)	(1,473,688,008)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,100,000,000</b>	<b>1,100,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,100,000,000	1,100,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>624,772,693</b>	<b>623,956,993</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		624,772,693	623,956,993
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,320,340,306,029</b>	<b>1,255,727,555,440</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>737,343,235,702</b>	<b>646,990,854,167</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>709,458,462,824</b>	<b>619,296,081,289</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		88,017,072,327	153,899,134,619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,187,513,405	3,962,290,337
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		6,976,080,236	5,754,714,116
4. Phải trả người lao động	314		18,503,881,081	15,231,247,178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		576,780,051	1,871,363,656
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		31,935,216,635	15,670,346,860
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		561,261,919,089	422,906,984,523
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27,884,772,878</b>	<b>27,694,772,878</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		4,984,772,878	4,794,772,878
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		22,900,000,000	22,900,000,000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>582,997,070,327</b>	<b>608,736,701,273</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>582,997,070,327</b>	<b>608,736,701,273</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		306,133,290,000	306,133,290,000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306,133,290,000	306,133,290,000
3. - Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Thặng dư vốn cổ phần	412		152,617,941,416	152,617,941,416
7. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
10. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
12. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	421		-	-
14. - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421b		110,165,617,023	52,095,022,236
15. - LNST chưa phân phối kỳ này	422		19,953,159,054	103,763,384,787
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,320,340,306,029</b>	<b>1,255,727,555,440</b>



Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu



Vũ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		822,129,720,039	939,856,565,779	822,129,720,039	939,856,565,779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(11,029,508,764)	(6,983,052,162)	(11,029,508,764)	(6,983,052,162)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		811,100,211,275	932,873,513,617	811,100,211,275	932,873,513,617
4. Giá vốn hàng bán	11		(749,060,673,207)	(862,398,543,036)	(749,060,673,207)	(862,398,543,036)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62,039,538,068	70,474,970,581	62,039,538,068	70,474,970,581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5,290,428,775	1,110,910,805	5,290,428,775	1,110,910,805
7. Chi phí tài chính	22		(5,510,667,010)	(8,770,690,857)	(5,510,667,010)	(8,770,690,857)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(5,083,157,527)	(6,006,581,548)	(5,083,157,527)	(6,006,581,548)
8. Chi phí bán hàng	24		(25,680,958,488)	(18,084,012,151)	(25,680,958,488)	(18,084,012,151)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(11,071,924,012)	(8,741,809,261)	(11,071,924,012)	(8,741,809,261)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25,066,417,333	35,989,369,117	25,066,417,333	35,989,369,117
11. Thu nhập khác	31		230,896,429	4,265,140,639	230,896,429	4,265,140,639
12. Chi phí khác	32		(355,864,945)	(315,069,797)	(355,864,945)	(315,069,797)
13. Lợi nhuận khác	40		(124,968,516)	3,950,070,842	(124,968,516)	3,950,070,842
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24,941,448,817	39,939,439,959	24,941,448,817	39,939,439,959
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(4,988,289,763)	(8,786,676,791)	(4,988,289,763)	(8,786,676,791)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19,953,159,054</u>	<u>31,152,763,168</u>	<u>19,953,159,054</u>	<u>31,152,763,168</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-


Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu

Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ nay	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		850,798,322,982	895,569,726,088
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,142,371,379,150)	(1,054,519,020,399)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12,697,363,260)	(14,128,176,948)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5,960,122,506)	(7,237,696,433)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5,630,006,431)	(12,661,380,107)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		278,188,816,699	227,100,840,110
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(79,262,804,261)	(105,600,386,966)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(116,934,535,927)</b>	<b>(71,476,094,655)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,322,891,700)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		216,971,876	17,213,128
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4,105,919,824)</b>	<b>17,213,128</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016


**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	163,597,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		816,885,919,383	734,473,741,295
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(678,530,984,817)	(769,596,512,395)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28,532,790,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>109,822,144,566</b>	<b>128,474,228,900</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(11,218,311,185)</b>	<b>57,015,347,373</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>30,935,444,507</b>	<b>68,267,019,973</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>19,717,133,322</b>	<b>125,282,367,346</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2016



Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu



Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 369 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 ("báo cáo tài chính hợp nhất").

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	283.724.319	250.379.529
Tiền gửi ngân hàng	19.433.409.003	30.685.064.978
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.717.133.322</b>	<b>30.935.444.507</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tiền gửi ngân hàng trị 100.000 đô la Mỹ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 6% một năm. Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp khoản tiền này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	22.065.871.915	54.205.289.525
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Viễn Thông A	32.598.259.081	42.380.556.897
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	17.154.221.971	8.814.798.145
Khác	262.687.903.509	211.845.860.720
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>334.506.256.476</b>	<b>317.246.505.287</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.690.849.291)	(8.690.849.291)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>325.815.407.185</b>	<b>308.555.655.996</b>

**6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Invesia International Limited	12.572.932.912	11.319.444.647
GOLDEN CHINA INTERNATIONAL COMPANY	34.564.206.200	-
INTEX TECHNOLOGIES (INDIA) LIMITED	15.497.504.000	-
Khác	8.575.996.661	6.768.328.829
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.210.639.773</b>	<b>18.087.773.476</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	18.822.876.850	21.063.313.377
Tạm ứng cho nhân viên	1.232.297.742	411.802.147
Khác	322.180.334	864.939.972
	<b>20.377.354.926</b>	<b>22.340.055.496</b>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc, ký quỹ	2.201.670.000	2.201.670.000
<b>Trong đó:</b>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	22.579.024.926	24.541.725.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	638.762.782.741	614.963.940.334
Hàng mua đang đi đường	7.165.351.890	38.895.751.176
Hàng gửi đi bán	17.730.746.373	15.098.173.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	547.397.856	618.151.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>664.206.278.860</u></b>	<b><u>669.576.016.876</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	19.679.304.353	14.848.940.279
Công cụ, dụng cụ	1.707.455.381	1.486.003.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.386.759.734</u></b>	<b><u>16.334.943.484</u></b>

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	21.183.180.735	2.145.916.525	16.059.938.106	2.786.984.429	42.176.019.795
Mua mới	-	-	4.322.891.700	-	4.322.891.700
Số cuối kỳ	21.183.180.735	2.145.916.525	20.382.829.806	2.786.984.429	46.498.911.495
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp vay</i> <i>(Thuyết minh số 17)</i>	21.183.180.735	-	-	-	21.183.180.735
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(5.388.056.320)	(727.597.616)	(9.082.811.658)	(2.718.613.609)	(17.917.079.203)
Khấu hao trong kỳ	(213.401.274)	(96.254.043)	(498.609.250)	(16.682.029)	(824.946.596)
Số cuối kỳ	(5.601.457.588)	(823.851.658)	(9.581.677.961)	(2.735.038.592)	(18.742.025.799)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	15.795.124.415	1.418.318.909	6.977.126.448	68.370.820	24.258.940.592
Số cuối kỳ	15.581.723.147	1.322.064.867	10.801.151.845	51.945.837	27.756.885.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và cuối kỳ	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp vay</i> <i>(Thuyết minh số 17)</i>	56.550.000.000	-	56.550.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)
Hao mòn trong kỳ	-	(48.157.074)	(48.157.074)
Số cuối kỳ	-	(1.521.845.082)	(1.521.845.082)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	56.550.000.000	485.934.890	57.035.934.890
Số cuối kỳ	56.550.000.000	437.777.816	56.987.777.816

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	1.100.000.000	100	-	-

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

*Phải trả người bán ngắn hạn*

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Asus Global Pte. Ltd.	43.219.102.250	30.185.973.198
Dell Global B.V (Singapore Branch)	337.525.856	21.831.158.500
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	5.818.751.938	43.288.643.718
MMD SINGAPORE PTE LTD.	9.153.937.220	-
Khác	29.487.755.063	58.593.359.203
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.017.072.327</b>	<b>153.899.134.619</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	2.048.081.812	700.603.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	5.445.358.043	4.988.289.763	(5.630.006.431)	4.803.641.375
Thuế thu nhập cá nhân	309.356.073	2.677.565.715	(814.482.927)	2.172.438.861
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.754.714.116</b>	<b>7.665.855.478</b>	<b>(6.444.489.358)</b>	<b>6.976.080.236</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay	-	876.964.979
Chiết khấu thương mại	-	714.517.936
Chi phí hoạt động	576.780.051	279.880.741
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>576.780.051</b>	<b>1.871.363.656</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	25.960.000.000	8.800.000.000
Chi trả hộ	2.967.041.148	5.911.338.983
Phải trả Bảo hiểm, Công Đoàn	1.434.133.556	840.826.059
Khác	1.574.041.931	118.181.818
	<b>31.935.216.635</b>	<b>15.670.346.860</b>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.224.342.999	4.034.342.999
Khác	760.429.879	760.429.879
	<b>4.984.772.878</b>	<b>4.794.772.878</b>

**17. VAY**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng	417.306.984.523	816.885.919.383	(677.130.984.817)	557.061.919.089
Vay dài hạn đến hạn trả	5.600.000.000		(1.400.000.000)	4.200.000.000
	<u>422.906.984.523</u>	<u>816.885.919.383</u>	<u>(678.530.984.817)</u>	<u>561.261.919.089</u>
Dài hạn				
Vay ngân hàng	22.900.000.000	-	-	22.900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>445.806.984.523</u></b>			<b><u>584.161.919.089</u></b>

**17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn	150.572.698.926	Từ 24 tháng 2 năm 2016 đến 01 tháng 07 năm 2016	Từ 4,6 đến 4.8	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	144.306.612.881	Từ 27 tháng 1 năm 2016 đến 10 tháng 07 năm 2016	5	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	176.242.785.700	Từ 14 tháng 1 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016	Từ 4.8 đến 5.6	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	85.939.821.582	Từ 22 tháng 02 năm 2016 đến 29 tháng 06 năm 2016	Từ 4.8 đến 5,6	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn
	<b><u>557.061.919.089</u></b>			

**17.2 Khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	<u>27.100.000.000</u>	Hoàn trả trong vòng 20 lần thanh toán, hàng quý, cho đến 25 tháng 12 năm 2019	9,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại 284A và 282 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn	22.900.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	4.200.000.000			



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thường	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.763.384.787	103.763.384.787
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>155.858.407.023</u>	<u>608.736.701.273</u>
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.858.407.023	608.736.701.273
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.953.159.054	19.953.159.054
Số cuối kỳ	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>130.118.776.077</u>	<u>582.997.070.327</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Created Future	114.400.000.000	37.56	114.400.000.000	37.56
PYN Fund Management Ltd	30.626.310.000	10.05	30.626.310.000	10.05
Probus Opportunities	16.188.260.000	5.31	-	0.00
Bà Đặng Kiện Phương	17.327.050.000	5.69	17.327.050.000	5.69
Ông Đoàn Anh Quân	13.977.730.000	4.59	14.071.200.000	4.62
Ông Đoàn Hồng Việt	14.071.200.000	4.62	13.977.730.000	4.59
Bà Tô Hồng Trang	10.586.290.000	3.48	10.586.290.000	3.48
Các cổ đông khác	87.441.760.000	28.71	103.630.020.000	34.02
Cổ phiếu quỹ	1.514.690.000		1.514.690.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>306.133.290.000</b>	<b>100,00</b>	<b>306.133.290.000</b>	<b>100,00</b>

**18.3 Cổ tức**

	VND	
	Kỳ này	Năm trước
<b>Cổ tức đã trả trong kỳ</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	70.296.600.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	28.532.790.000	14.632.200.000

**18.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.461.860	30.461.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>822.129.720.039</b>	<b>939.856.565.779</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>822.129.720.039</i>	<i>939.856.565.779</i>
<b>Trừ:</b>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>11.029.508.764</i>	<i>6.983.052.162</i>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>811.100.211.275</b>	<b>932.873.513.617</b>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	216.971.876	178.857.871
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.057.006.391	887.332.753
Chiết khấu thanh toán được hưởng	3.016.450.508	44.720.181
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.290.428.775</b>	<b>1.110.910.805</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	749.060.673.207	862.398.543.036

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	12.838.169.414	7.733.005.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.581.148.597	2.941.725.830
Khác	10.261.640.477	7.409.281.309
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	6.568.900.610	4.694.052.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.307.499.114	1.988.271.137
Khác	2.195.524.288	2.059.485.261
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.752.882.500</b>	<b>26.825.821.412</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay phải trả	5.083.157.527	6.006.581.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.083.136	343.014.968
Chiết khấu thanh toán	292.426.347	2.421.094.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.510.667.010</b>	<b>8.770.690.857</b>

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
<b>Thu nhập khác</b>		<b>4.265.140.639</b>
Thu nhập từ hăng hỗ trợ	-	3.820.531.173
Khác	230.896.429	444.609.466
<b>Chi phí khác</b>	<b>355.864.945</b>	<b>315.069.797</b>
<b>THU NHẬP THUẦN</b>	<b>(124.968.516)</b>	<b>3.950.070.842</b>

**24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá mua hàng hóa	753.487.295.756	864.342.458.630
Chi phí nhân công	19.407.070.024	12.427.057.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	873.103.670	804.136.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.888.647.711	4.929.996.967
Chi phí bằng tiền khác	7.505.951.270	7.034.796.621
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>786.162.068.431</b>	<b>889.538.446.160</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.941.448.817	39.939.439.959
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	<u>24.941.448.817</u>	<u>39.939.439.959</u>
Thuế TNDN ước tính hiện hành	4.988.289.763	8.786.676.791
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.445.358.043	11.881.823.497
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(5.630.006.431)</u>	<u>(12.661.380.107)</u>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>4.803.641.375</u></b>	<b><u>8.007.120.181</u></b>

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	5.331.414.689	1.030.534.914

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	<u>2.048.081.812</u>	<u>700.603.944</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	<u>25.960.000.000</u>	<u>8.800.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban Giám đốc:

	Kỳ nay	VND Kỳ trước
Lương và thưởng	873.744.150	826.082.976

**27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**27.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.720.615.978	3.157.929.876
Từ 1 đến 5 năm	3.696.000.000	3.744.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.416.615.978</b>	<b>6.901.929.876</b>

**27.2 Cam kết góp vốn**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp
		Số tiền	%		
	VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100.000.000.000	100.000.000.000	100	1.100.000.000	98.900.000.000

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
 Vũ Thị Mai Hân  
 Người lập biểu

  
 Võ Xuân Huy  
 Kế toán trưởng

  
 Đoàn Hồng Việt  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 4 năm 2016